

Số: 47 /BV-KD
Báo giá lần 2 tháng 10/2026

Hiệp Hòa, ngày 02 tháng 10 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm thiết bị y tế; gói thầu mua sắm vật tư, hóa chất sử dụng cho thiết bị y tế

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý linh kiện, vật tư thay thế cho trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 ; Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý linh kiện, vật tư thay thế cho trang thiết bị y tế;

Căn cứ Quyết định số 1572/QĐ-SYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 1);

Căn cứ Quyết định số 583/QĐ-SYT ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 630/QĐ- BV ngày 02/10/2026 về việc Phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật và nguồn vốn dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị y tế lần 3 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Hiệp Hòa.

Bệnh viện đa khoa Hiệp Hòa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế lần 3 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Hiệp Hòa với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Hiệp Hòa.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Người nhận báo giá: Đặng Tiến Hiệp
 - Chức Vụ: Phó Trưởng khoa Dược - VTTBYT
 - SĐT: 0949.212.333

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Đơn vị quan tâm đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược- VTTBYT -Bệnh viện đa khoa Hiệp Hòa; Địa chỉ: Tổ dân phố Phố Thắng - Phường Hiệp Hoà - Thành phố Bắc Ninh.

- Nhận qua email: ttythiephoa24007@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 16h ngày 02 tháng 10 năm 2026 đến trước 17h, ngày 12 tháng 10 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua sắm chi tiết như sau:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy điện châm	Chất lượng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau. - Bảo hành: tối thiểu 12 tháng. I. Cấu hình: Máy chính: 01 cái Adapter chuyển đổi dòng điện: 01 cái Bộ điện cực cao su chì và điện cực dán: 01 bộ Bộ dây châm cứu kèm kẹp cá sấu: 05 bộ Bộ dây kết hợp miếng dán: 01 bộ Bút dò huyết: 01 cái Hướng dẫn sử dụng Anh/Việt: 01 bộ II. Các tính năng và thông số kỹ thuật - Phụ trợ dò tìm huyết trên cơ thể người - Độ nhạy của đầu dò huyết: Khi trở kháng cơ thể $R=20K\Omega\sim500K\Omega$, độ nhạy là $20K\Omega$, Khi trở kháng cơ thể $R=510K\Omega\sim1M\Omega$, độ nhạy là $50K\Omega$ - Có 5 dạng xung (ứng với các công dụng trị liệu khác nhau) để lựa chọn: Sóng liên tục, Sóng không liên tục, Sóng nén, Sóng dao động lên xuống, Sóng tắt mở - Tần số xung điện dao động từ 1,2Hz - 55Hz và bề rộng của bước sóng từ 0,6ms - Nguồn vào: 110-240VAC/50Hz, đầu ra: DC 9V/150mA. - Kênh đầu ra ≥ 6 kênh.	Cái	20

		- Điều chỉnh cường độ xung: Có. - Chức năng hẹn giờ: Có Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.		
2	Máy xông khí dung	Cấu hình gồm: Máy nén khí, bộ phun khí; Ống dẫn khí; Ống ngậm; Mặt nạ người lớn (PVC); Mặt nạ trẻ em (PVC); Miếng lọc dự phòng; Túi đựng; Bản hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh, Tiếng Việt. - Kích thước hạt: khoảng $\geq 3\mu\text{m}$ MMAD - Dung tích cốc thuốc: tối đa $\geq 7\text{ml}$ - Lượng thuốc thích hợp: $\leq 2\text{ml}$ tối đa $\leq 7\text{ml}$ - Tốc độ phun: Khoảng $\geq 0,4\text{ml/phút}$ (theo trọng lượng hao hụt) - Bình phun ra: $\geq 0,57\text{ml}$ (2ml, 1%NaF) Tốc độ bình phun ra: $\geq 0,08\text{ml/phút}$ (2ml, 1%NaF) Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương - Nước sản xuất: G7	Chiếc	6
3	Đèn gù	Cường độ chiếu sáng 0.5m: 0-25.000 Lux - Cường độ chiếu sáng 0.3m: 0-35.000 Lux - Điều chỉnh cường độ sáng: Có - Nhiệt độ màu: 4.400 ± 500 K - Chỉ số hoàn màu: $R_a \geq 97\%$ - Kích thước trường ánh sáng: 150 ± 35 mm - Số lượng bóng LED: 3 bóng - Tuổi thọ bóng đèn: ≥ 60.000 giờ - Thương hiệu bóng LED: Osram - Đường kính đầu đèn: 87mm - Thông số cổ ngỗng: Chiều dài 660mm, đường kính 15mm. - Chiều cao tối đa: 1625 mm - Công suất bóng đèn: 1W - Vật liệu chụp đèn: PE - Tổng trọng lượng: 3.5 ± 0.2 Kg - Nguồn điện: 100-240VAC/50-60Hz Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	05
4	Bàn để	- Bao gồm: Bàn để Inox + đệm + bọc lên xuống - Kích thước Dài x rộng x Cao: 2150 x 650 x 700mm (sai số $\pm 5\%$). - Chân bàn :inox ống (đường kính x độ dày) 32x0.8mm (sai số $\pm 5\%$)	Cái	02

		- Các thanh giằng: inox ống (đường kính x độ dày) lần lượt là 25x0.6mm, 22x0.6mm, 19x0.6mm (sai số $\pm 5\%$)		
5	Đồng hồ đo áp lực bóng chèn	Đồng hồ đo áp lực bóng chèn khí quản: Mặt đồng hồ đo có đường kính ≥ 68 mm có móc treo. Đồng hồ có 2 khu vực màu xanh là: - Cho ống NKQ (22- 32 cmH ₂ O) - Cho ống NKQ và Mask khí quản (32-60 cmH ₂ O) Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	01
6	Kính hiển vi	I.Yêu cầu chung - Năm sản xuất Từ năm 2026 trở về sau - Tiêu chuẩn, chất lượng Mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương -Nhiệt độ môi trường làm việc lên đến $\geq 300^{\circ}\text{C}$ - Độ ẩm môi trường làm việc cho phép lên đến $\geq 70\%$ - Nguồn điện sử dụng 220V/50Hz II. Yêu cầu về cấu hình 1 Kính hiển vi kèm phụ kiện tiêu chuẩn, tối thiểu có: 01 Cái 2. Thân kính hiển vi 2 mắt: 01 cái 3. Thị kính 10X, đường kính vi trường ≥ 20 mm: 02 cái 4. Vật kính phẳng chống mốc 4X: 01 cái 5. Vật kính phẳng chống mốc 10X: 01 cái 6. Vật kính phẳng chống mốc 40X: 01 cái 7. Vật kính phẳng chống mốc 100XOil: 01 cái 8. Dầu soi 8cc: 01 lọ 9. Dây nguồn: 01 cái 10. Túi phủ kính: 01 cái III. Chỉ tiêu kỹ thuật -Hệ thống quang học Vô cực -Đầu quan sát hai thị kính có thể điều chỉnh khoảng cách giữa hai đồng tử từ ≤ 48 mm đến ≥ 75 mm. -Mâm gắn vật kính: Có ≥ 4 vị trí lắp vật kính -Thị kính chống mốc 10X, quang trường rộng $\geq$ 20mm, góc nhìn 30° , mỗi thị kính có điều chỉnh độ Diop. -Vật kính phẳng chống mốc 4X/ độ mờ 0.10mm, khoảng cách làm việc ≥ 27 mm -Vật kính phẳng chống mốc 10X/ độ mờ 0.25mm, khoảng cách làm việc ≥ 8.0 mm -Vật kính phẳng chống mốc 40X/ độ mờ 0.65mm, khoảng cách làm việc ≥ 0.6 mm -Vật kính phẳng chống mốc 100XOil/ độ mờ 1.25mm, khoảng cách làm việc ≥ 0.13 mm -Độ phóng đại: ≥ 1000 lần	Chiếc	01

		-Núm di chuyển tiêu bản loại đồng trục, hành trình di chuyển mẫu $X \times Y: \geq 75 \text{ mm} \times 30 \text{ mm}$ - Hộp tụ quang có độ mở 1.25, có ≥ 6 mức độ điều chỉnh màn chắn sáng từ 1.8 - 29 mm, có núm dịch chuyển hộp tụ quang lên xuống -Nguồn sáng đèn LED, công suất $\leq 0.5 \text{ W}$, tuổi thọ dài ≥ 20.000 giờ -Điều chỉnh tiêu cự tinh/ thô nhẹ dễ dàng, giới hạn điều chỉnh tiêu cự $\geq 15 \text{ mm}$. Độ chính xác của điều chỉnh tiêu cự tinh là $\geq 2.5 \mu\text{m}$. Điều chỉnh tinh $\leq 0.3 \text{ mm/vòng quay}$ -Khóa tiêu cự bảo vệ vật kính và mẫu tránh các tác động bên ngoài gây hỏng		
7	Pipet 20-200 μL	- Thể tích hút 20-200 μL - Được thiết kế để mang lại sự tiện dụng với độ chính xác và độ lặp lại cao. Với trọng lượng nhẹ, hiển thị 4 chữ số, đảm bảo sự thoải mái khi hút - Thiết kế tay cầm tiện dụng để phù hợp hoàn hảo cho cả tay phải và tay trái - Độ chính xác: $\pm 2.0\%$ đến $\pm 0.6\%$ - Độ lặp lại: $\leq 0.7\%$ đến $\leq 0.2\%$ - Có thể hấp tiệt trùng và có khả năng chống tia cực tím để bảo vệ mẫu khỏi bị nhiễm bẩn - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Chiếc	05
8	Pipet 5-50 μL	- Thể tích hút 5-50 μL - Được thiết kế để mang lại sự tiện dụng với độ chính xác và độ lặp lại cao. Với trọng lượng nhẹ, hiển thị 4 chữ số, đảm bảo sự thoải mái khi hút - Thiết kế tay cầm tiện dụng để phù hợp hoàn hảo cho cả tay phải và tay trái - Độ chính xác: $\pm 3.5\%$ đến $\pm 0.8\%$ - Độ lặp lại: $\leq 1.3\%$ đến $\leq 0.3\%$ - Có thể hấp tiệt trùng và có khả năng chống tia cực tím để bảo vệ mẫu khỏi bị nhiễm bẩn - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Chiếc	02
9	Pipet 100-1000 μL	- Pipet thể tích điều chỉnh từ 100-1000 μL - Được thiết kế để mang lại sự tiện dụng với độ chính xác và độ lặp lại cao. Với trọng lượng nhẹ, hiển thị 4 chữ số, đảm bảo sự thoải mái khi hút - Thiết kế tay cầm tiện dụng để phù hợp hoàn hảo cho cả tay phải và tay trái - Bộ đếm 4 chữ số - Độ chính xác: $\pm 2,5\%$ đến $\pm 0,6\%$ - Độ lặp lại: $\leq 0,6\%$ đến $\leq 0,2\%$ - Có thể hấp tiệt trùng và có khả năng chống tia cực tím để bảo vệ mẫu khỏi bị nhiễm bẩn - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Chiếc	02

10	Giá treo Pipet	Giá treo pipet Giá xoay để pipet 6 vị trí Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Chiếc	02
11	Máy hút dịch 2 bình tốc độ hút 40L/phút	I.Cấu hình cung cấp : Ống hút bọng: 1 chiếc Ống cầu chì (F2AL250V, $\Phi 5 \times 20$): 2 chiếc Bộ lọc khí: 2 chiếc Ống hút mềm ($\Phi 7 \times \Phi 12$, dài 2m): 1 chiếc Dây nguồn: 1 chiếc Công tắc chân: 1 chiếc Hướng dẫn sử dụng : 1 bộ II.Thông số kỹ thuật : 1. Chân không cao, lưu lượng cao 2. Điện vào: 180VA 3. Nguồn điện: AC220V $\pm$ 10% 60Hz /50Hz 4. Chân không tối đa: $\geq 90\text{kPa}$ 5. Phạm vi chân không điều chỉnh: 30kPa đến chân không tối đa 6. Tốc độ hút: $\geq 40\text{L/phút}$ 7. Độ ồn: $\leq 65\text{dB(A)}$ 8. Bình đựng dịch: 2500ml/bình, một máy có 2 bình Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.	máy	01
12	Máy hút dịch 2 bình tốc độ hút 20L/phút	I.Cấu hình cung cấp : Ống hút bọng: 1 chiếc Ống cầu chì (F2AL250V, $\Phi 5 \times 20$): 2 chiếc Bộ lọc khí: 2 chiếc Ống hút mềm ($\Phi 7 \times \Phi 12$, dài 2m): 1 chiếc Dây nguồn: 1 chiếc Công tắc chân: 1 chiếc Hướng dẫn sử dụng : 1 bộ II.Thông số kỹ thuật 1. Chân không cao, lưu lượng cao 2. Điện vào: 180VA 3. Nguồn điện: AC220V $\pm$ 10% 60Hz /50Hz 4. Chân không tối đa: $\geq 80\text{kPa}$ 5. Phạm vi chân không điều chỉnh: 20kPa đến chân không tối đa 6. Tốc độ hút: $\geq 20\text{L/phút}$ 7. Độ ồn: $\leq 60\text{dB(A)}$ 8. Bình đựng dịch (thủy tinh): 2500ml/bình, một máy có 2 bình Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.	Máy	03
13	Thiết bị làm ấm máu và	1.Yêu cầu về cấu hình - Máy chính và các phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo bao gồm: 01 cái	Chiếc	02

	dịch truyền	- Bộ gá máy: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ 2. Yêu cầu kỹ thuật - Chế độ hoạt động: hoạt động liên tục - Bộ trao đổi nhiệt: nhiệt khô hoặc cao cấp hơn - Điều khiển nhiệt độ: Bảng phần mềm Điều khiển PID hoặc bộ Điều khiển vi xử lý hoặc tương đương - Cảm biến Nhiệt độ: Cảm biến cặp nhiệt điện Hoặc Cảm biến Nhiệt tiếp xúc - Thời gian làm ấm: ≤ 3 phút - Nhiệt độ cài đặt: Có thể cài đặt tối thiểu 2 mức nhiệt độ 36°C và 39°C hoặc có thể điều chỉnh từ $\leq 37^{\circ}\text{C}$ đến $\geq 41^{\circ}\text{C}$ - Nhiệt độ đầu ra: từ $\leq 37^{\circ}\text{C}$ đến $\geq 41^{\circ}\text{C}$ - Nhiệt độ đầu ra cảnh báo: $\leq 36.5^{\circ}\text{C}$ hoặc $\geq 42^{\circ}\text{C}$ - Sử dụng loại dây truyền có đường kính từ ≤ 4.0 mm đến ≥ 5.0 mm hoặc các loại dây truyền sử dụng phổ biến trên thị trường - Tốc độ dòng chảy tối đa ≥ 20 ml/ phút. - Có màn hình hiển thị LED hoặc tương đương - Cảnh báo khi máu/dịch truyền quá Nhiệt: Bằng đèn chỉ thị màu và âm thanh. Khi có báo động: Hệ thống phải tự động tắt bộ gia nhiệt - Đạt tiêu chuẩn an toàn tối thiểu: Class I, Type BF, IPX2 hoặc tương đương		
14	Máy đo huyết áp điện tử	Thiết bị gồm: 1 máy đo huyết áp, 1 vòng bít bắp tay, 1 túi đựng bằng vải, 4 viên pin "AA", sách hướng dẫn sử dụng. - Thông số kỹ thuật: Phương pháp đo: - Đo dao động Dải đo: - Áp suất: 0-299 mmHg - Nhịp tim: 40 -180 nhịp/phút Độ chính xác: - Áp suất: ± 3 mmHg - Nhịp tim: $\pm 5\%$ Máy đo huyết áp điện tử sử dụng phương pháp đo dao động. Khi vòng bít bơm hơi, máy sẽ cảm nhận được nhịp đập của động mạch dưới vòng bít. Nhịp này được gọi là nhịp đập dao động. Cảm biến áp suất điện tử sẽ hiển thị một kết quả số về huyết áp. - Nước sản xuất: G7	Cái	06
15	Máy đo huyết áp cơ	Cấu hình cơ bản cho 01 bộ gồm: - 01 đồng hồ đo áp lực	Cái	20

		- Hệ thống bơm khí : 01 bóng bơm khí; 02 ống dẫn khí; 01 van xả khí - 01 dải băng cuộn tay bằng cotton - 01 bao hơi cao su - 01 túi đựng giả da. Thông số kỹ thuật 1.Vị trí đo: Bắp tay 2.Chất liệu quả bóp: cao su 3.Van xả khí: mạ crom 4.Mặt đồng hồ: kính chịu lực cao cấp 5.Vạch chia: 0-300mmHg 6.Độ chính xác: huyết áp $\pm 3\text{mmHg}$ hoặc 2% nhịp tim $\pm 5\%$ 7.Giới hạn đo: Huyết áp 0 đến 280 mmHg. Nhịp tim 40 tới 180 nhịp/phút - Nước sản xuất: G7		
16	Đồng hồ oxy có bình làm ẩm	Các bộ phận bao gồm : Khung điều chỉnh, các phần kết nối, bộ đo áp suất, bộ đo lưu lượng, bộ đo độ ẩm và dây oxy. +Áp lực đầu vào : 15Mpa + Áp lực đầu ra : 0,2 - 0,3Mpa + Van an toàn : $0,35 \pm 0,05\text{Mpa}$ + Lưu lượng : 1-15L/ phút + Áp suất tối đa : 0,142Mpa Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	cái	20
17	Đèn Clar đội đầu LED	- Tính năng: Dùng để chiếu sáng hỗ trợ thăm khám bệnh. - Ứng dụng: Hỗ trợ thăm khám trong tai mũi họng, phẫu thuật, sản khoa, nha khoa,... - Thông số kỹ thuật: + Ứng dụng quang học chất lượng cao để đạt hiệu suất chiếu sáng tốt nhất + Vòng đầu có thể điều chỉnh + Tính năng tăng giảm tiêu cự, cường độ sáng + Bóng led : 5W + Tuổi thọ bóng đèn : 60.000h + Nhiệt độ màu: 5000-6000K, CRI 70 + Cường độ sáng : 30.000 Lx + Pin nguồn : dung lượng 3,7V, 2600mAh có thể tháo rời thay thế. Tích hợp công tắc On/Off + Thời gian làm việc liên tục 2,5 giờ mỗi pin (cung cấp 02 pin), thời gian sạc đầy 3,5 giờ + Điện áp sạc : nguồn vào 100- 220 VAC, 50Hz ; nguồn ra : 4,2V 1A - Cấu hình cung cấp : + Đèn đội đầu: 01 + Pin nguồn: 02	Cái	02

		+ Bộ sạc: 01 + HDSD: 01 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương		
18	Bộ lưu lượng kế	*Lưu lượng kế oxy: -Dùng để điều chỉnh và đo lưu lượng từ hệ thống oxy trung tâm -Thang đo 0 - 15 lít/phút - Có núm điều chỉnh và chiều chỉ thị tăng/giảm lưu lượng oxy. -Phần thân chính của bộ lưu lượng bằng vật liệu đồng thau được mạ Crom. - Phần ống lưu lượng trong và ngoài làm bằng polycarbonate (PC), bi cầu chỉ thị lưu lượng làm bằng thép không gỉ. - Đầu cắm nhanh oxy chuẩn Pin-Index tương thích với ổ khí Ôxy nơi sử dụng. - Trọng lượng: 160g - Khí đầu vào: Ren 1/8" - Đầu ra: DISS O2 9/16" - 18 UNF - Áp lực khí: 4.2 Kg/cm ² – 60 psi – 414 kPa *Bình làm ẩm: - Dung tích 350 ml có đầu kết nối nhanh với lưu lượng kế. - Có bộ khuếch tán (lưới lọc, sục khí) và có khả năng hấp ướt tiệt trùng tại 121 độ C. -Vỏ bình làm ẩm được làm bằng chất liệu polycarbonate (PC), nắp bình được làm bằng polyamide. Có vạch đánh dấu mực nước Min và Max	Bộ	25
19	Xe lăn	1. Tính năng dừng đỗ: Tất cả các bánh xe cần được đỗ nhẹ nhàng trừ bánh xe nâng. 2. Tính ổn định tĩnh: theo chiều dọc $\geq 10^\circ$, bên $\geq 15^\circ$. 3. Tính năng giữ lên dốc: $\leq 8^\circ$ 4. Khoảng cách trượt: $\leq 350\text{mm}$ 5. Bán kính quay tối thiểu: $\geq 0.85\text{m}$ 6. Độ rộng quay tối thiểu: $\geq 1.5\text{m}$	Chiếc	03
20	Bộ hút dịch di động	• Điều áp hút: - Bộ điều chỉnh chân không cao với cơ chế điều khiển chính xác để đảm bảo độ ổn định và độ chính xác cao. - Có với công tắc BẬT / TẮT để mở và đóng nhanh. - Bẫy nước làm bằng polycarbonate (SafetyTrap PC) có hệ thống chống tràn an toàn và bộ lọc hạt hiệu quả cao. -Vật liệu: thân máy bằng nhựa ABS + PC, đồng hồ đo chân không có nắp trong PC. -Cơ chế hoạt động khí POM và TPE, đầu vào ren cái WGAS ¼ bằng đồng mạ crom.	Bộ	5

	- Phạm vi hoạt động: 0 - 100 kPa (0 - 750 mmHg) - Độ chính xác: $\pm 5\%$ - Lưu lượng hút: 100 L/phút tại 100 kPa. - Kích thước: 240 x 86 x 86 mm. • Xe đẩy: - Xe đẩy có 5 bánh, có tay cầm và 3 giá đỡ bình chứa dịch EN - Vật liệu: nhôm, sơn phủ epoxy RAL 9022 - Đường kính bánh xe: 50 mm. - Kích thước: 570 mm x 570 mm x 930 mm. • Bình chứa dịch: - Được làm bằng chất liệu polycarbonate, có thể hấp tiệt trùng tại 121 độ C. - Dung tích: 4 lít - Thang đo đến: 3,5 lít. - Kích thước: Đường kính x chiều cao (14 cm x 35 cm) - Có nắp đậy và phao chống tràn. • Đầu cắm nhanh: - VAC chuẩn tương thích với ổ khí. - Chất liệu: Đồng mạ Crom • Ống áp lực: - Ống hút cao áp màu vàng dài 3 m (0-12 bar), PVC, chống tĩnh điện. • Bộ hút dịch di động bao gồm: - Điều áp hút: 01 cái - Bình chứa dịch 4 lít: 02 bộ - Xe đẩy: 01 cái - Ống cao áp PVC 3 mét: 01 cái - Ống silicon 2 mét: 01 cái		
Tổng cộng: 20 khoản			

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản vật tư, thiết bị y tế: *cung cấp, vận chuyển hàng hóa đến tận khoa Dược - VTTBYT của Bệnh viện đa khoa Hiệp Hòa.*

3. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán 100% giá trị hợp đồng ngay sau hoàn thành công việc và đơn vị đã nhận đủ các loại giấy tờ cần thiết để phục vụ cho thanh toán.

4. Các thông tin khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Lưu VT;
- Đăng website đơn vị;

GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Hoàn

Mẫu báo giá

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Hiệp Hòa

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện đa khoa Hiệp Hòa, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa liên quan

STT	Danh mục ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1										
2										
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2026 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.